

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Qua xem xét Tờ trình số 975/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 141/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII kỳ họp thứ 7)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan nhà nước.
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập.
- c) Tổ chức chính trị - xã hội (bao gồm cả cơ quan Mặt trận).
- d) Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
- đ) Dự án có sử dụng vốn Nhà nước.
- e) Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy (sau đây gọi tắt là Văn phòng huyện ủy) là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.
- g) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tài sản công.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Trụ sở làm việc* là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, doanh nghiệp.

2. *Cơ sở hoạt động sự nghiệp* là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. *Dự án sử dụng vốn nhà nước* là các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển, nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà

nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh.

4. *Cơ quan cấp tỉnh* bao gồm: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

5. *Cơ quan trực thuộc cấp tỉnh* bao gồm các chi cục, ban trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh

6. *Cơ quan cấp huyện* bao gồm: Văn phòng huyện ủy; các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội ở cấp huyện.

7. *Gói tài sản* bao gồm từ một đơn vị tài sản đến nhiều đơn vị tài sản.

Điều 3. Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị.

4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

6. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

7. Tài sản công không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định này bao gồm: **mua sắm tài sản trong trường hợp lập thành dự án đầu tư; mua, bán, thuê tài sản (trừ mua, bán xe ô tô, cơ sở hoạt động sự nghiệp)** từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và nguồn vốn huy động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ **của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư**; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản kết cấu hạ tầng khác phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia (trừ việc mua sắm tài sản do ngân sách địa phương đảm bảo); tài sản dự trữ quốc gia; tài nguyên thiên nhiên, đất đai (trừ đất gắn liền với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) và tài sản khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công có tính kế thừa phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trước đây; đảm bảo phù hợp với nội dung quy định quản lý tài sản công theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao; việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý

kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và thực tế yêu cầu công tác quản lý tài sản nhà nước hiện nay của tỉnh Quảng Bình.

2. Chỉ phân cấp đối với những nội dung mà Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và các Nghị định có liên quan quy định phải phân cấp, bao gồm các nội dung: thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, mất, hủy hoại tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Những nội dung khác thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG

Mục 1

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không lập thành dự án đầu tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công gồm:
 - a) Xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - b) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh;
 - c) Tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách tỉnh. Trường hợp đặc biệt hoặc đối với tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản **từ nguồn kinh phí này**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Người đứng đầu các cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) gồm:
 - a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý;
 - b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.
3. Người đứng đầu các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) cho các cơ quan cấp huyện gồm:

a) Tài sản có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng **trở lên**/01 gói tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm;

b) Tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách huyện.

5. Người đứng đầu các cơ quan cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản cho cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh gồm:

a) Tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của đơn vị;

b) Tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách tỉnh.

2. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thuê tài sản gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý;

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản cho cơ quan cấp huyện gồm:

a) Tài sản có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của các cơ quan;

b) Tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách huyện.

5. Người đứng đầu cơ quan cấp huyện quyết định thuê tài sản có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công gồm:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) của cơ quan cấp huyện.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công gồm:

a) Xe ô tô;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản giữa các cơ quan cấp tỉnh; giữa cơ quan cấp tỉnh với cơ quan trực thuộc cấp tỉnh; giữa các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh với nhau; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản giữa các cơ quan cấp tỉnh; giữa cơ quan cấp tỉnh với cơ quan trực thuộc cấp tỉnh; giữa cơ quan trực thuộc cấp tỉnh **do các cơ quan cấp tỉnh khác nhau quản lý**; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản giữa các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh **cùng một cơ quan cấp tỉnh quản lý**.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản giữa các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) giữa các cơ quan cấp huyện; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố.

5. Trường hợp điều chuyển tài sản công từ cơ quan Nhà nước sang đơn vị sự nghiệp thì thực hiện theo phân cấp như quy định từ Khoản 1 đến Khoản 4 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công (**trừ tài sản quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 11 Nghị định 167/2017/NĐ-CP**) gồm:

a) Trụ sở làm việc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh .

2. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản do đơn vị quản lý.

b) Tài sản có nguyên giá từ **trên** 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp huyện. Trường hợp đặc biệt hoặc đối với tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

5. Người đứng đầu cơ quan cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản;

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản do đơn vị quản lý;

b) Tài sản có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.

4. Người đứng đầu cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) của cơ quan cấp huyện gồm:

a) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Tài sản khác có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

6. Người đứng đầu cơ quan cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 và Điểm a Khoản 5 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh;

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của cơ quan cấp huyện.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất (trong trường hợp bị hủy hoại) của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh;

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

- a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh;
- b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan cấp huyện.

Mục 2

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 13. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không lập thành dự án đầu tư

- 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công gồm:
 - a) Xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - b) Tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh;
 - c) Tài sản mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách tỉnh. Trường hợp đặc biệt hoặc đối với tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản **từ nguồn kinh phí này**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
- 2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.
- 3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc do đơn vị quản lý.
- 4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) cho đơn vị sự nghiệp cấp huyện gồm:

a) Tài sản có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm;

b) Tài sản mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách huyện.

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

7. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản cho đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh gồm:

a) Tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của đơn vị;

b) Tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách tỉnh.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc do đơn vị quản lý.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản cho đơn vị sự nghiệp cấp huyện (trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều này) gồm:

a) Tài sản có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản;

b) Tài sản được thuê từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách huyện.

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp huyện quyết định thuê tài sản (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm do đơn vị quản lý.

7. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê thực hiện quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công gồm:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp cấp huyện.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công gồm:

a) Xe ô tô;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản giữa các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; giữa đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh với đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh; giữa các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh với nhau; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản giữa các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; giữa đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh với đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh; giữa đơn vị sự nghiệp trực thuộc **do các cơ quan cấp tỉnh khác nhau quản lý**; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản giữa các đơn vị sự nghiệp trực thuộc **cùng một cơ quan cấp tỉnh quản lý**.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản giữa các đơn vị sự nghiệp trực thuộc do đơn vị quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) giữa các đơn vị sự nghiệp cấp huyện.

5. Trường hợp điều chuyển tài sản từ đơn vị sự nghiệp sang cơ quan nhà nước thì thực hiện theo phân cấp như quy định từ Khoản 1 đến Khoản 4 Điều này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công gồm:
 - a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - b) Xe ô tô;
 - c) Tài sản khác có nguyên giá từ **500 triệu đồng** trở lên/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.
2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **dưới 500 triệu đồng**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.
3. Người đứng đầu các cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng**/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp trực thuộc do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.
4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ 100 triệu đồng trở xuống**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.
5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **trên 100 triệu đồng trở lên**/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp huyện. Trường hợp đặc biệt hoặc đối với tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.
6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ 100 triệu đồng trở xuống**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công gồm:
 - a) Xe ô tô;
 - b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; các tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.
2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh gồm:
 - a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản;
 - b) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp trực thuộc do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống** /01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp cấp huyện gồm:

- a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất;
- b) Tài sản khác có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

7. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công gồm:

- a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh.
- b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp trực thuộc do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của đơn vị sự nghiệp cấp huyện.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

- a) Xe ô tô;
- b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (trong trường hợp bị hủy hoại) của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh;

c) Các tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh.

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a, b Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị sự nghiệp cấp huyện.

Mục 3

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI (SAU ĐÂY VIẾT TẮT LÀ HỘI)

Điều 21. Thẩm quyền quản lý tài sản công tại các Hội đặc thù mà người đứng đầu thuộc biên chế được cấp có thẩm quyền giao

Việc phân cấp quản lý tài sản công thực hiện như Mục 1 Chương II Quy định này.

Điều 22. Thẩm quyền quản lý tài sản công tại các Hội đặc thù mà người đứng đầu không thuộc biên chế được cấp có thẩm quyền giao

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công đối với Hội cấp tỉnh như sau:

a) Mua sắm, thuê tài sản gồm:

- Trụ sở làm việc;

- Tài sản khác có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm;

- Tài sản được mua sắm từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách tỉnh.

b) Bán tài sản công có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản. Trường hợp bán tài sản là trụ sở làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

d) Điều chuyển tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản giữa các Hội cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, giữa các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

đ) Thu hồi; tiêu hủy; xử lý trong trường hợp bị mất, **bị** hủy hoại đối với tài sản công gồm:

- Trụ sở làm việc;
- Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công đối với Hội cấp tỉnh như sau:

a) Thanh lý tài sản công có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản.

b) Điều chuyển tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng /01 gói tài sản giữa các Hội cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, giữa các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

c) Thu hồi; tiêu hủy; xử lý trong trường hợp bị mất, **bị** hủy hoại đối với tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản (trừ trụ sở làm việc).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công của các Hội cấp huyện như sau:

a) Mua sắm, thuê tài sản gồm:

- Trụ sở làm việc;
- Tài sản khác có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản được mua từ nguồn kinh phí trong dự toán giao đầu năm;
- Tài sản được mua từ nguồn kinh phí trong dự toán chưa phân bổ thuộc ngân sách huyện.

b) Thanh lý, bán tài sản công có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

c) Điều chuyển tài sản công giữa các Hội cấp huyện

d) Thu hồi; tiêu hủy; xử lý trong trường hợp bị mất, **bị** hủy hoại đối với tài sản công.

4. Người đứng đầu Hội quyết định xử lý tài sản công do đơn vị quản lý:

a) Mua sắm, thuê tài sản (trừ trụ sở làm việc) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản từ dự toán giao đầu năm;

b) Thanh lý, bán tài sản công (trừ trụ sở làm việc) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản.

Điều 23. Thẩm quyền quản lý tài sản công tại các Hội khác

Việc phân cấp quản lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 22 mục 3 Chương II Quy định này và các quy định khác của pháp luật về Hội.

Mục 4

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 24. Thẩm quyền quyết định cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công gồm:

- a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước.
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất, mặt nước của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố.

Điều 27. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất, mặt nước có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ Điều a **Khoản 1** Điều này) có nguyên giá **trên** 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

4. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ Điều a **Khoản 1** Điều này) có nguyên giá **từ** 100 triệu đồng **trở xuống**/01 gói tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 28. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Mục 5

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG CỦA DOANH NGHIỆP VÀ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 30. Phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản công của Doanh nghiệp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc của Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Công ty cổ phần

và Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Điều 31. Phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản công của dự án sử dụng vốn Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của thị xã, huyện, thành phố; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của cơ quan tài chính cùng cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện việc phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo theo đúng quy định tại Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quá trình thực hiện xử lý tài sản công thuộc các nội dung phân cấp nêu trên, khi có phát sinh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có quyết định xử lý theo phân cấp đồng thời gửi 01 bản về Sở Tài chính để theo dõi, quản lý.

3. Quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc văn bản cấp trên có thay đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang